

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139/2020 /HC-PT**

Ngày: 20 – 7 – 2020

V/v “*Khiếu kiện yêu cầu hủy
quyết định hành chính*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long

Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019 /HC- ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1139/2020/QĐ-PT, ngày 30/6/2020; giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Công ty trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ trụ sở: Thôn K, xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn G- Giám đốc. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn Th; Địa chỉ: 6/26 đường số 20, khu phố 4, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

* *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện I1, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Ksor S, Phó Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện I1, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số 157/QĐ-UBND ngày 04/3/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Thái Văn K- Trưởng phòng, Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện I1. Có mặt.
- Ông Hoàng Hồng T1 – Phó giám đốc, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện I1. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Thành Đ; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T2, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Đình C; địa chỉ: số 02 Sơn Thủy 2, phường H2, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Ông Đoàn Vũ Ngọc H1; địa chỉ: Xí nghiệp xây lắp D — Công ty cổ phần cấp thoát nước Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4/ Ông Đặng Đồng H3; địa chỉ: Trụ sở Công ty TNHH xây lắp thương mại TT, số 149 đường L1, phường Y, thành phố T3, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5/ Ông Vũ Đức D1; địa chỉ: Thôn Đ1, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện là ông Trần Văn G, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Tấn Th trình bày:*

Công ty TNHH H (sau đây ghi tắt là Công ty H) là đơn vị tham gia dự thầu Gói thầu Thi công xây dựng công trình thu nước sinh hoạt thị trấn I1 hạng mục mạng đường ống, huyện I1, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình lập hồ sơ đề xuất tham gia đấu thầu đối với gói thầu nói trên, Công ty H có năng lực thực hiện gói thầu nhưng tại thời điểm đó thiếu nhân lực về trình độ chuyên môn trong lĩnh vực này. Do công ty quen biết một số anh em kỹ sư giới thiệu ông Nguyễn Đình C là kỹ sư, qua tiếp xúc thì ông C nói rằng ông C là kỹ sư xây dựng có bằng đại học chuyên ngành cấp thoát nước và đang công tác tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Đà Nẵng. Sau khi trao đổi thống nhất thì ngày 14/6/2018 công ty H gửi thư mời cộng tác cho ông C, ông C đã xác nhận với nội dung: “Trước tiên tôi xin cảm ơn thư mời cộng tác trên của công ty, nếu công ty nhận thấy năng lực chuyên môn, điều kiện thời gian cho phép để tôi có thể tham gia cộng tác với công ty thì tôi sẽ sẵn sàng tham gia nếu công ty trúng thầu. Sự hợp tác nói trên sau này sẽ được cụ thể hóa bằng các hợp đồng có tính pháp lý liên quan”.

Sau đó ông C đã cung cấp bản photo bằng kỹ sư và biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành cho Công ty H bổ sung vào hồ sơ đề xuất tham gia đấu thầu của công ty.

Tương tự, do quen biết bạn bè giới thiệu ông Nguyễn Thành Đ cũng là kỹ sư, qua tiếp xúc thì ông Đ nói rằng ông Đ là kỹ sư chuyên ngành cấp thoát nước có bằng đại học của trường đại học Tôn Đức Thắng cấp và đang công tác tại công ty cổ phần điện P. Sau khi trao đổi, ngày 14/6/2018 Công ty H gửi thư mời cộng tác cho ông Đ. Sau khi nhận được thư mời, ông Đ đã xác nhận với nội dung: “Tôi thấy năng lực chuyên môn và điều kiện tham gia cho phép để tôi công tác tham gia gói thầu nêu trên nếu công ty trúng thầu”. Sau đó ông Đ cung cấp bản photo bằng kỹ sư, biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành cho Công ty H để bổ sung vào hồ sơ đề xuất tham gia đấu thầu của công ty.

Sau khi bổ sung đầy đủ thì Công ty H đã trúng thầu.

Ngày 11/9/2018, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện I1 có thông báo số 80/TB-BQL thông báo về kết quả lựa chọn gói thầu, trong đó nêu Công ty H không trúng thầu. Ngày 21/11/2018, các ban ngành của huyện đã mời Công ty H tham dự họp về việc trong hồ sơ dự thầu của Công ty H không có bằng cấp hợp pháp. Công ty H đã trình bày rõ việc bằng cấp của ông Đ, ông C không hợp pháp thì công ty không biết trước. Chính ông Đ, ông C là người cung cấp bằng cấp, biên bản nghiệm thu cho Công ty H, Công ty H không biết và không có lỗi. Ông Đ và ông C đã đồng ý ghi ý kiến của mình vào thư mời cộng tác của Công ty H, điều này thể hiện ông C và ông Đ thừa nhận mình có năng lực và bằng cấp hợp pháp và tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của bằng cấp và biên bản nghiệm thu công trình do ông Đ và ông C cung cấp.

Ngày 04/12/2018, Chủ tịch UBND huyện I1 ban hành quyết định số 504/QĐ-UBND về việc cấm Công ty H tham gia hoạt động đấu thầu với lý do có gian lận trong hồ sơ dự thầu. Quyết định này theo Công ty H là không đúng, vì Công ty H bổ sung bằng cấp và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình bổ sung hồ sơ là do ông C, ông Đ sử dụng, cung cấp, Công ty H bổ sung hồ sơ mà không biết các bằng cấp đó không hợp pháp. Công ty H không có hành vi gian lận như các điểm của khoản 4 Điều 89 của Luật đấu thầu năm 2013.

Ngoài ra, việc Chủ tịch UBND huyện I1 căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính không số ngày 21/11/2018 để ra quyết định cấm thầu, biên bản này không có hình thức và nội dung đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện I1, tỉnh Gia Lai.

** Tại bản tự khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là ông Nguyễn Thế H4, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Ksor S trình bày:*

Công trình cải tạo nước sinh hoạt thị trấn I1, tỉnh Gia Lai thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo quyết định 293/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ do UBND huyện làm chủ đầu tư, ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện I1 được giao nhiệm vụ làm bên mời thầu (Triển khai thực hiện gói thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh qua mạng). Công trình được UBND huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, UBND huyện phê duyệt E-HSMT tại quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 11/6/2018, đăng thông báo mời thầu trên mạng đấu thầu quốc gia tại số E-TBMT: 20180630314 ngày 14/6/2018, thời điểm đóng thầu và mở thầu ngày 20/6/2018.

Việc đánh giá E-HSDT (hồ sơ dự thầu) của 03 nhà thầu tham dự gói thầu do tổ chuyên gia đấu thầu đánh giá và được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-BQL ngày 20/6/2018 của Ban quản lý dự án đầu tư huyện. Qua đánh giá, Công ty H xếp hạng nhất.

Căn cứ vào quyết định xếp hạng nhà thầu, Ban quản lý đầu tư và xây dựng huyện đã thông báo và mời Công ty H mang hồ sơ để ban quản lý dự án đối chiếu bảng kê khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và lưu trữ hồ sơ gốc theo quy định tại mục 15 và điểm 28.5 mục 28 chương I chỉ dẫn nhà thầu của E-HSMT có yêu cầu “Trường hợp nhà thầu vào thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để bên mời thầu lưu trữ”. Và theo quy định tại Điều 63 Luật đấu thầu năm 2013: “Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, đơn vị mua sắm tập trung hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm đối với mua sắm tập trung tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng”.

Kết quả xác minh như sau:

- Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng tại thời điểm Công ty H tham dự gói thầu thì ông Nguyễn Đình C là nhân sự đang làm việc tại Công ty Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng, ông C hiện đang là kỹ thuật của Công ty và đang thực hiện các công trình thuộc dự án của Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng, công ty này không ký hợp đồng cho thuê nhân sự đối với Công ty H, đối với biên bản nghiệm thu công trình do ông C làm kỹ thuật thì Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng không hề cung cấp cho

Công ty H để dự thầu. Việc Công ty H sử dụng nhân sự, biên bản nghiệm thu của Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng để tham gia đấu thầu do ban quản lý đầu tư và xây dựng huyện I1 làm bên mời thầu thì công ty này không biết và không cung cấp.

- Ông Nguyễn Đình C xác nhận: Ông C đang là nhân sự của Xí nghiệp xây lắp Dawaco thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng, ông không hề ký hợp đồng nhân sự đối với Công ty H để tham gia thực hiện dự thầu và thực hiện công việc khi trúng thầu, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình cũng không phải là do ông C cung cấp cho Công ty H, việc Công ty H tự ý sử dụng bằng cấp của ông mà chưa có sự đồng ý của ông đối với vai trò là nhân sự chủ chốt trong gói thầu công trình cải tạo công trình thu nước sinh hoạt thị trấn I1 là trái quy định của pháp luật

- Công ty điện máy P xác nhận: Công ty P không hề cung cấp bất cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình nào cho Công ty H và các tài liệu có liên quan, công ty P cũng không ký hợp đồng cho thuê nhân sự đối với Công ty H và tại thời điểm xác nhận thì ông Nguyễn Thành Đ đang thi công kỹ thuật điện cho trạm BTS.

- Ông Nguyễn Thành Đ xác nhận: Ông Đ đang là nhân viên công ty P, ông không hề ký hợp đồng nhân sự và thư mời hợp tác đối với Công ty H để tham gia dự thầu, cũng không cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình nào cho Công ty H và các tài liệu có liên quan.

Ngày 14/8/2018, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện I1 đã có báo cáo số 35/BC-BQL kiến nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu do có hành vi gian lận trong công tác đấu thầu. Ngày 24/8/2018, UBND huyện I1 đã ban hành quyết định số 494/QĐ-UBND thành lập tổ xử lý vi phạm hành chính để tham mưu. Tổ xử lý vi phạm đã nhiều lần mời người đại diện theo pháp luật của Công ty H để làm rõ nội dung vi phạm trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu cải tạo hệ thống nước sinh hoạt thị trấn I1, công an huyện I1 cũng nhiều lần mời người đại diện theo pháp luật của Công ty H để tham dự đối chất nhưng đại diện Công ty H không tham gia, ngày 21/11/2018, tổ xử lý vi phạm trong đấu thầu các công trình trên địa bàn huyện đã tiếp tục lập biên bản vi phạm về hành vi gian lận trong hồ sơ đề xuất khi tham gia gói thầu công trình cải tạo hệ thống thu nước sinh hoạt thị trấn I1.

Việc Công ty H không tham gia hợp tác làm rõ, giải trình các yêu cầu có liên quan, kết hợp với những vấn đề trên đủ cơ sở kết luận Công ty H sử dụng tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt không hợp pháp khi tham gia gói thầu thuộc công trình: Cải tạo công trình thu nước sinh hoạt thị trấn I1, vi phạm điểm c khoản 4 Điều 89 của Luật đấu thầu năm 2013 và khoản 1 Điều 122 Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Năm 2018, Công ty TNHH H có tham gia đấu thầu gói thầu công trình chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm huyện I1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính tại quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 12-2-2018 với số tiền 15.000.000 đồng với nội dung vi phạm không trung thực trong hồ sơ dự thầu đối với Công ty TNHH H.

Với những sai phạm trên, tổ xử lý vi phạm trong đấu thầu các công trình trên địa bàn huyện đề xuất Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 để cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn huyện I1 đối với Công ty TNHH H trong 3 năm kể từ ngày ký quyết định.

Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 để cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn huyện I1 đối với Công ty TNHH H trong 3 năm kể từ ngày ký quyết định được ban hành theo đúng quy trình và đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2019 /HC- ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 34 Điều 4, khoản 3 Điều 73, Điều 77, Điều 80, khoản 4 Điều 89, điểm a khoản 3 Điều 90 của Luật đấu thầu; Điều 101, khoản 2 Điều 121 và khoản 1 Điều 122 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 4/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện I1, tỉnh Gia Lai về việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/11/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn H kháng cáo bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, hủy Quyết định hành chính số 504/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện I1, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn H nhận thấy:

[1.1] Đối với trường hợp ông Nguyễn Đình C:

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2019, ông Nguyễn Đình C trình bày: Vào tháng 6 năm 2018, ông Đoàn Vũ Ngọc H1 là người cùng làm với ông có mượn bằng đại học, chứng minh nhân dân và Biên bản nghiệm thu nên ông cho mượn mà không rõ mục đích làm gì; Vào tháng 7 năm 2018, anh Hưng có nhờ xác nhận vào thư mời cộng tác, vì tình cảm anh em nên ông xác nhận, chứ ông không cung cấp giấy tờ bằng cấp và biên bản nghiệm thu cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H

- Tại Đơn xin vắng mặt tham gia đối chất và tham gia tố tụng ngày 03/8/2019 (BL 239 - 240), ông Đoàn Vũ Ngọc H1 trình bày: Bằng đại học, giấy chứng minh nhân dân, Biên bản nghiệm thu là anh C đưa cho ông, sau đó ông gửi cho ông G (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H) là để chứng minh năng lực chuyên môn của từng cá nhân.

Như vậy có thể khẳng định rằng Công ty trách nhiệm hữu hạn H không sử dụng bằng cấp và biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành của công ty cổ phần cấp thoát nước Đà Nẵng, bằng cấp của ông Nguyễn Đình C không hợp pháp như Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/11/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện I1 đã xác định.

[1.2] Đối với trường hợp ông Nguyễn Thành Đ:

- Mặc dù, tại Văn bản số 30/PL ngày 23/7/2018 (BL 67), Công ty cổ phần điện máy P cũng xác nhận: Ông Nguyễn Thành Đ là nhân sự của Công ty cổ phần điện máy P, với chức vụ Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư của Công ty, đang thi công kỹ thuật điện cho trạm BTS - viễn thông tại Phú Yên; Công ty không cung cấp Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, không ký hợp đồng cho thuê nhân sự đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H; cũng như tại Bản cam kết ngày 23/7/2018 (BL 65) và Biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019 (BL 218), ông Nguyễn Thành Đ xác định: Từ trước đến nay ông không nhận được thư mời cộng tác, không xác nhận đồng ý

hợp tác và cung cấp văn bằng, biên bản nghiệm thu công trình cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Việc Công ty trách nhiệm hữu hạn H tự ý sử dụng bằng cấp của ông là trái quy định pháp luật, trong khi chưa có sự đồng ý và chấp thuận của ông trong việc tham gia gói thầu; và theo Kết luận giám định số 624/C09C(Đ2) ngày 24/6/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: “Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thành Đ dưới mục “Ý kiến xác nhận của ông Nguyễn Thành Đ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký, chữ viết đứng tên ông Nguyễn Thành Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là không phải do cùng một người ký, viết ra”.

Tuy nhiên, có thể xác định rằng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình của Công ty cổ phần Điện máy P và Bằng cấp, giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Thành Đ, Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thể tự nhiên có được, nếu như ông Đ không cung cấp. Mặt khác tại Đơn trình bày ý kiến đối thoại ngày 20/9/2019 ông Nguyễn Tấn Th trình bày: “ông Đ đã cung cấp bằng đại học, CMND, biên bản nghiệm thu cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H thông qua ông Đặng Đồng H3 đang công tác tại Công ty TNHH xây lắp, thương mại TT có trụ sở tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên là bạn của ông Nguyễn Thành Đ là có cơ sở.

Như vậy, với nội dung phân tích các tài liệu, chứng cứ nêu trên, rõ ràng Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã không sử dụng Biên bản nghiệm thu công trình của Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng và Công ty cổ phần điện máy P, cũng như các giấy tờ của ông Đ và ông C là không hợp pháp như Biên bản vi phạm hành chính ghi nhận. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện I1, tỉnh Gia Lai căn cứ Biên bản vi phạm hành chính, về hành vi gian lận trong hồ sơ đề xuất khi tham gia đấu thầu gói thầu công trình cải tạo hệ thống thu nước sinh hoạt thị trấn I1 để ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/12/2018, về việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H là không đủ căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Sửa án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Về chi phí giám định: Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 4.000.000 đồng chi phí giám định.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch UBND huyện I1, tỉnh Gia Lai phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên Công ty trách nhiệm hữu hạn H không phải chịu án hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Sửa án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 73, khoản 5 Điều 77, khoản 3 Điều 80, khoản 4 Điều 89, điểm a khoản 3 Điều 90 của Luật đấu thầu năm 2013; Điều 101, khoản 2 Điều 121 và khoản 1 Điều 122 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

- Hủy Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 4/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện I1, tỉnh Gia Lai về việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

2. Về chi phí giám định: Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 4.000.000 đồng chi phí giám định. Đã nộp đủ.

3. Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch UBND huyện I1, tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn H không phải chịu án hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0007957 ngày 07/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào